08/02/10
K

Trường Đại học Nông Lâm
TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205

# Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

**Môn Học** Toán cao cấp B1 (202112) - Số Tín Chỉ: 2
**Nhóm Thi** Lớp DH09TA (Nhóm Thi 2 ) - Tổ 001 - Đợt 3
**Ngày Thi** 31/12/09 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD404

Trang 1

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | SốTờ | Chữ Ký | Điểm Số | Điểm Chữ | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | ~~09161006~~ | ~~PHẠM THỊ HOÀNG~~ | ~~ANH~~ | ~~14/04/91~~ | | | | | Vắng |
| 2 | 09161009 | NGUYỄN THỊ NGỌC | CHÂU | 20/02/91 | 2 | | 6,4 | sáu bốn | |
| 3 | 09161017 | TRẦN KIỀU | DIỄM | 13/10/90 | 1 | | 1,9 | một chín | |
| 4 | 09161021 | TRẦN ANH | DUY | 26/03/90 | 1 | | 5,9 | năm chín | |
| 5 | 09161022 | TRỊNH KHƯƠNG | DUY | 27/02/91 | 2 | | 5,0 | năm chẵn | |
| 6 | 09161030 | HUỲNH THỊ | GẤM | / /91 | 1 | | 5,5 | năm rưỡi | |
| 7 | 09161032 | HUỲNH NGỌC | GIANG | 01/01/91 | 1 | | 4,6 | bốn sáu | |
| 8 | 09161033 | PHAN KHẮC | GIANG | 05/04/91 | 1 | | 2,2 | hai hai | |
| 9 | 09161036 | NGUYỄN TRUNG | HẢI | 13/08/91 | 1 | | 2,9 | hai chín | |
| 10 | 09161046 | LÊ TRUNG | HÒA | 04/06/91 | 1 | | 5,1 | năm một | |
| 11 | 09161047 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | HÒA | 30/08/91 | 1 | | 3,5 | ba năm | |
| 12 | ~~09161053~~ | ~~TRẦN CHÍ~~ | ~~HỮU~~ | ~~20/01/91~~ | | | | | Vắng |
| 13 | 09161054 | PHẠM ĐĂNG | KHOA | 25/02/91 | 1 | | 6,4 | sáu bốn | |
| 14 | 09161057 | VŨ THANH | LAM | 20/04/91 | 1 | | 5,5 | năm rưỡi | |
| 15 | 09161061 | LÊ THỊ MỸ | LIÊN | 18/01/91 | 1 | | 4,3 | bốn ba | |
| 16 | 09161065 | NGUYỄN NGỌC | LINH | 20/07/91 | 1 | | 3,5 | ba rưỡi | |
| 17 | 09161067 | TRƯƠNG THỊ NHẬT | LINH | 06/12/91 | 2 | | 3,2 | tám hai | |
| 18 | 09161069 | TRẦN THỊ | LOAN | 24/02/91 | 1 | | 6,1 | sáu một | |
| 19 | ~~09161071~~ | ~~NGUYỄN TIẾN~~ | ~~LONG~~ | ~~22/01/91~~ | | | | | Vắng |
| 20 | 09161074 | NGUYỄN MINH | LUÂN | 13/08/91 | 1 | | 2,8 | hai tám | |
| 21 | 09161078 | TRẦN LƯU THANH | MAI 2 | 26/08/89 | 2 | | 5,3 | năm tám | |
| 22 | 09161080 | NGUYỄN THỊ | MƠ | 15/07/89 | 1 | | 4,2 | bốn hai | |
| 23 | 09161088 | HUỲNH THỊ KIM | NGÂN | 07/04/91 | 2 | | 5,2 | năm hai | |
| 24 | 09161091 | TỐNG HOÀNG | NGỌC | 10/10/90 | 1 | | 6,3 | sáu ba | |

*Tổng số sinh viên dự thi:* 21 *Số bài thi:* 21 *Số tờ:* 24 Kỳ thi ngày 31 Tháng 12 Năm 2009

*Số sinh viên đạt:* _____ *;Không đạt:* _____

Cán Bộ Coi Thi 1 [signature] Cán Bộ Coi Thi 2 Nguyễn Hữu Thí

Xác nhận của Bộ Môn [signature] Cán Bộ Chấm Thi 1 Lê Ng Kim Hằng Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Th.S. NGÔ THIỆN

*Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú*

Trường Đại học Nông Lâm
TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205

# Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Môn Học **Toán cao cấp B1 (202112)** - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi **Lớp DH09TA (Nhóm Thi 2 ) - Tổ 002 - Đợt 3**
Ngày Thi **31/12/09** Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi **RD501**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | SốTờ | Chữ Ký | Điểm Số | Điểm Chữ | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09161094 | LÊ THỊ THU | NGUYỆT | 03/10/91 | 1 | | 6,2 | sáu hai | |
| 2 | 09161115 | NGUYỄN THỊ THANH | PHƯỢNG | 20/04/91 | 2 | | 3,1 | tam mốt | |
| 3 | 09161123 | PHAN VĂN | QUYNH | 07/08/91 | 1 | | 5,5 | năm năm | |
| 4 | 09161126 | VÕ HÀ | SANG | 11/11/91 | 1 | | 4,7 | bốn bảy | |
| 5 | 09161127 | LÊ HOÀNG | SÂM | 20/03/91 | 1 | | 7,2 | bảy hai | |
| 6 | 09161128 | TRẦN THỊ | SEN | 10/07/91 | 1 | | | | V |
| 7 | 09161132 | VÕ THANH | SƠN | 24/01/91 | 1 | | 4,3 | bốn ba | |
| 8 | 09161136 | LẠI MẠNH | TÂN | 02/10/91 | 1 | | 2,6 | hai sáu | |
| 9 | 09161147 | NGUYỄN ĐÌNH | THẠCH | 02/02/91 | 1 | | 5,7 | năm bảy | |
| 10 | 09161148 | PHẠM NGỌC | THẠCH | 03/03/91 | 1 | | 3,0 | ba chấm | |
| 11 | 09161138 | HUỲNH THỊ KIM | THANH | 08/12/91 | 1 | | 10,0 | mười chấm | |
| 12 | 09161153 | VÕ THỊ ANH | THI | 02/07/91 | 2 | | 7,6 | bảy sáu | |
| 13 | 09161156 | NGUYỄN VĂN | THÔNG | 20/01/90 | 1 | | 2,8 | hai tám | |
| 14 | 09161183 | NGUYỄN THANH | TÚ | 03/01/91 | 1 | | | | V |
| 15 | 09161184 | NGUYỄN MINH | TƯỜNG | 18/01/91 | 2 | | 7,5 | bảy rưỡi | |
| 16 | 09161185 | TRẦN DUY | VẠN | 18/10/91 | 1 | | 3,7 | ba bảy | |
| 17 | 09161186 | PHẠM MINH TƯỜNG | VI | 27/05/91 | 1 | | 3,1 | ba mốt | |
| 18 | 09161187 | NGUYỄN TUẤN | VIÊN | 20/02/91 | 1 | | 2,5 | hai năm | |
| 19 | 09161188 | HUỲNH CÔNG | VINH | 03/10/91 | 1 | | 3,6 | ba sáu | |
| 20 | 09161190 | TRẦN MINH | VƯƠNG | 18/01/91 | 2 | | 5,4 | năm bốn | |

*Tổng số sinh viên dự thi:* 18 *Số bài thi:* 18 *Số tờ:* 22 Kỳ thi ngày 31 Tháng 12 Năm 2009

*Số sinh viên đạt:* _____ *;Không đạt:* _____

Cán Bộ Coi Thi 1 Lê Thị Thúy Hoa Cán Bộ Coi Thi 2 Nguyễn Thị Tuyết Ngọc

Xác nhận của Bộ Môn Cán Bộ Chấm Thi 1 Lê Ng Kim Thắng Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Th.S. NGÔ THIỆN

*Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú*

05/02/10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1240

# Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Môn Học/Nhóm: Giáo dục thể chất 1 (202501) - 43 — Số Tín Chỉ: 1
CBGD: Phan Hoàng Vũ (700)
Ngày Thi: / / — Phòng Thi:
Lớp: DH09TA (Công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi)



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Tên lớp | Đ.Số | Điểm Chữ | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09161006 | PHẠM THỊ HOÀNG | ANH | 14/04/91 | DH09TA | | | |
| 2 | 09161009 | NGUYỄN THỊ NGỌC | CHÂU | 20/02/91 | DH09TA | 8 | tám | |
| 3 | 09161017 | TRẦN KIỀU | DIỄM | 13/10/90 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 4 | 09161021 | TRẦN ANH | DUY | 26/03/90 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 5 | 09161022 | TRỊNH KHƯƠNG | DUY | 27/02/91 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 6 | 09161030 | HUỲNH THỊ | GẤM | / /91 | DH09TA | 10 | mười | |
| 7 | 09161032 | HUỲNH NGỌC | GIANG | 01/01/91 | DH09TA | 8 | tám | |
| 8 | 09161033 | PHAN KHẮC | GIANG | 05/04/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 9 | 09161036 | NGUYỄN TRUNG | HẢI | 13/08/91 | DH09TA | 9 | chín | |
| 10 | 09161046 | LÊ TRUNG | HÒA | 04/06/91 | DH09TA | 9 | chín | |
| 11 | 09161047 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | HÒA | 30/08/91 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 12 | 09161053 | TRẦN CHÍ | HỮU | 20/01/91 | DH09TA | | | |
| 13 | 09161054 | PHẠM ĐĂNG | KHOA | 25/02/91 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 14 | 09161057 | VŨ THANH | LAM | 20/04/91 | DH09TA | 8 | tám | |
| 15 | 09161061 | LÊ THỊ MỸ | LIÊN | 18/01/91 | DH09TA | 9 | chín | |
| 16 | 09161065 | NGUYỄN NGỌC | LINH | 20/07/91 | DH09TA | 8 | tám | |
| 17 | 09161067 | TRƯƠNG THỊ NHẬT | LINH | 06/12/91 | DH09TA | 10 | mười | |
| 18 | 09161069 | TRẦN THỊ | LOAN | 24/02/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 19 | 09161071 | NGUYỄN TIẾN | LONG | 22/01/91 | DH09TA | | | |
| 20 | 09161074 | NGUYỄN MINH | LUÂN | 13/08/91 | DH09TA | 5 | năm | |
| 21 | 09161078 | TRẦN LƯU THANH | MAI | 26/08/89 | DH09TA | 5 | năm | |
| 22 | 09161080 | NGUYỄN THỊ | MƠ | 15/07/89 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 23 | 09161088 | HUỲNH THỊ KIM | NGÂN | 07/04/91 | DH09TA | 5 | năm | |
| 24 | 09161091 | TỐNG HOÀNG | NGỌC | 10/10/90 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 25 | 09161094 | LÊ THỊ THU | NGUYỆT | 03/10/91 | DH09TA | 5 | năm | |
| 26 | 09161115 | NGUYỄN THỊ THANH | PHƯƠNG | 20/04/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 27 | 09161123 | PHAN VĂN | QUYNH | 07/08/91 | DH09TA | 5 | năm | |
| 28 | 09161126 | VÕ HÀ | SANG | 11/11/91 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 29 | 09161127 | LÊ HOÀNG | SÂM | 20/03/91 | DH09TA | 10 | mười | |
| 30 | 09161128 | TRẦN THỊ | SEN | 10/07/91 | DH09TA | | | |
| 31 | 09161132 | VÕ THANH | SƠN | 24/01/91 | DH09TA | 4 | bốn | |
| 32 | 09161136 | LẠI MẠNH | TÂN | 02/10/91 | DH09TA | 5 | năm | |
| 33 | 09161138 | HUỲNH THỊ KIM | THANH | 08/12/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 34 | 09161147 | NGUYỄN ĐÌNH | THẠCH | 02/02/91 | DH09TA | 8 | tám | |
| 35 | 09161148 | PHẠM NGỌC | THẠCH | 03/03/91 | DH09TA | 8 | tám | |
| 36 | 09161153 | VÕ THỊ ANH | THI | 02/07/91 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 37 | 09161156 | NGUYỄN VĂN | THÔNG | 20/01/90 | DH09TA | 8 | tám | |

05/02/10

# Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Môn Học/Nhóm Giáo dục thể chất 1 (202501) - 43 Số Tín Chỉ: 1



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Tên lớp | Đ.Số | Điểm Chữ | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 38 | 09161183 | NGUYỄN THANH | TÚ | 03/01/91 | DH09TA | | | |
| 39 | 09161184 | NGUYỄN MINH | TƯỜNG | 18/01/91 | DH09TA | 6 | Sáu | |
| 40 | 09161185 | TRẦN DUY | VẠN | 18/10/91 | DH09TA | 8 | tám | |
| 41 | 09161186 | PHẠM MINH TƯỜNG | VI | 27/05/91 | DH09TA | 5 | năm | |
| 42 | 09161187 | NGUYỄN TUẤN | VIÊN | 20/02/91 | DH09TA | 8 | tám | |
| 43 | 09161188 | HUỲNH CÔNG | VINH | 03/10/91 | DH09TA | 8 | tám | |
| 44 | 09161190 | TRẦN MINH | VƯƠNG | 18/01/91 | DH09TA | 7 | bảy | |

In Ngày 26/11/2009

Ngày 20 Tháng 12 Năm 2009

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

BÙI MINH TÂM

Phan Hoàng Vũ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1240

# Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Môn Học/Nhóm Kỹ năng giao tiếp (202620) - 12 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Bùi Xuân An (120)
Ngày Thi 1/02/01/10 Phòng Thi
Lớp DH09TA (Công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi)



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Tên lớp | Đ.Số | Điểm Chữ | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09161006 | PHẠM THỊ HOÀNG | ANH | 14/04/91 | DH09TA | — | — | |
| 2 | 09161009 | NGUYỄN THỊ NGỌC | CHÂU | 20/02/91 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 3 | 09161017 | TRẦN KIỀU | DIỄM | 13/10/90 | DH09TA | 5 | năm | |
| 4 | 09161021 | TRẦN ANH | DUY | 26/03/90 | DH09TA | 4 | bốn | |
| 5 | 09161022 | TRỊNH KHƯƠNG | DUY | 27/02/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 6 | 09161030 | HUỲNH THỊ | GẤM | / /91 | DH09TA | 8 | tám | |
| 7 | 09161032 | HUỲNH NGỌC | GIANG | 01/01/91 | DH09TA | — | — | |
| 8 | 09161033 | PHAN KHẮC | GIANG | 05/04/91 | DH09TA | 4 | bốn | |
| 9 | 09161036 | NGUYỄN TRUNG | HẢI | 13/08/91 | DH09TA | 5 | năm | |
| 10 | 09161046 | LÊ TRUNG | HÒA | 04/06/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 11 | 09161047 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | HÒA | 30/08/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 12 | 09161053 | TRẦN CHÍ | HỮU | 20/01/91 | DH09TA | — | — | |
| 13 | 09161054 | PHẠM ĐĂNG | KHOA | 25/02/91 | DH09TA | 5 | năm | |
| 14 | 09161057 | VŨ THANH | LAM | 20/04/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 15 | 09161061 | LÊ THỊ MỸ | LIÊN | 18/01/91 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 16 | 09161065 | NGUYỄN NGỌC | LINH | 20/07/91 | DH09TA | 5 | năm | |
| 17 | 09161067 | TRƯƠNG THỊ NHẬT | LINH | 06/12/91 | DH09TA | 9 | chín | |
| 18 | 09161069 | TRẦN THỊ | LOAN | 24/02/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 19 | 09161071 | NGUYỄN TIẾN | LONG | 22/01/91 | DH09TA | — | — | |
| 20 | 09161074 | NGUYỄN MINH | LUÂN | 13/08/91 | DH09TA | 4 | bốn | |
| 21 | 09161078 | TRẦN LƯU THANH | MAI | 26/08/89 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 22 | 09161080 | NGUYỄN THỊ | MỜ | 15/07/89 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 23 | 09161088 | HUỲNH THỊ KIM | NGÂN | 07/04/91 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 24 | 09161091 | TỐNG HOÀNG | NGỌC | 10/10/90 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 25 | 09161094 | LÊ THỊ THU | NGUYỆT | 03/10/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 26 | 09161115 | NGUYỄN THỊ THANH | PHƯỢNG | 20/04/91 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 27 | 09161123 | PHAN VĂN | QUYNH | 07/08/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 28 | 09161126 | VÕ HÀ | SANG | 11/11/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 29 | 09161127 | LÊ HOÀNG | SÂM | 20/03/91 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 30 | 09161128 | TRẦN THỊ | SEN | 10/07/91 | DH09TA | — | — | |
| 31 | 09161132 | VÕ THANH | SƠN | 24/01/91 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 32 | 09161136 | LẠI MẠNH | TÂN | 02/10/91 | DH09TA | 8 | tám | |
| 33 | 09161138 | HUỲNH THỊ KIM | THANH | 08/12/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 34 | 09161147 | NGUYỄN ĐÌNH | THẠCH | 02/02/91 | DH09TA | 8 | tám | |
| 35 | 09161148 | PHẠM NGỌC | THẠCH | 03/03/91 | DH09TA | 7 | bảy | |

# Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Môn Học/Nhóm Kỹ năng giao tiếp (202620) - 12 Số Tín Chỉ: 2



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Tên lớp | Đ.Số | Điểm Chữ | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 36 | 09161153 | VÕ THỊ ANH | THI | 02/07/91 | DH09TA | 7 | bảy | |
| 37 | 09161156 | NGUYỄN VĂN | THÔNG | 20/01/90 | DH09TA | 5 | năm | |
| 38 | 09161183 | NGUYỄN THANH | TÚ | 03/01/91 | DH09TA | -- | -- | |
| 39 | 09161184 | NGUYỄN MINH | TƯỜNG | 18/01/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 40 | 09161185 | TRẦN DUY | VẠN | 18/10/91 | DH09TA | 6 | sáu | |

In Ngày 30/12/2009

Ngày 02 Tháng 01 Năm 10

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 30/12/2009 TS. Bùi Xuân An TS. Bùi Xuân An

TP.HCM, Ngày 30 tháng 12 năm 2009

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1240

# Bảng Ghi Điểm Thi

**Điểm thi học kỳ**

Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Môn Học/Nhóm Kỹ năng giao tiếp (202620) - 12 Số Tín Chỉ: 2
CBGD Bùi Xuân An (120)
Ngày Thi / / 02/01/10 Phòng Thi
Lớp DH09TA (Công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi)

Trang 1

| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | Tên lớp | D.Số | Điểm Chữ | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09161186 | PHẠM MINH TƯỜNG | VI | 27/05/91 | DH09TA | 6 | sáu | |
| 2 | 09161187 | NGUYỄN TUẤN | VIỄN | 20/02/91 | DH09TA | 4 | bốn | |
| 3 | 09161188 | HUỲNH CÔNG | VINH | 03/10/91 | DH09TA | 5 | năm | |
| 4 | 09161190 | TRẦN MINH | VƯƠNG | 18/01/91 | DH09TA | 6 | sáu | |

In Ngày 30/12/2009

Ngày 02 Tháng 01 Năm 10

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

In Ngày 30/12/2009 TS. Bùi Xuân An TS. Bùi Xuân An TP.HCM, Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Trường Đại học Nông Lâm
TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205

# Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Môn Học: Hóa học đại cương (202301) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH09TA (Nhóm Thi 2 ) - Tổ 002 - Đợt 3
Ngày Thi: 29/12/09 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD501



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | SôTờ | Chữ Ký | Điểm Số | Điểm Chữ | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09161094 | LÊ THỊ THU | NGUYỆT | 03/10/91 | | | 5,5 | Năm mươi lăm | |
| 2 | 09161115 | NGUYỄN THỊ THANH | PHƯỢNG | 20/04/91 | | | 7,6 | Bảy sáu | |
| 3 | 09161123 | PHAN VĂN | QUỲNH | 07/08/91 | | | 7,2 | Bảy hai | |
| 4 | 09161126 | VÕ HÀ | SANG | 11/11/91 | | | 6,2 | Sáu hai | |
| 5 | 09161127 | LÊ HOÀNG | SÂM | 20/03/91 | | | 8,0 | Tám không | |
| ~~6~~ | ~~09161128~~ | ~~TRẦN THỊ~~ | ~~SEN~~ | ~~10/07/91~~ | | | | Vắng | |
| 7 | 09161132 | VÕ THANH | SƠN | 24/01/91 | | | 5,0 | Năm không | |
| 8 | 09161136 | LẠI MẠNH | TÂN | 02/10/91 | | | 6,9 | Sáu chín | |
| 9 | 09161147 | NGUYỄN ĐÌNH | THẠCH | 02/02/91 | | | 5,0 | Năm không | |
| 10 | 09161148 | PHẠM NGỌC | THẠCH | 03/03/91 | | | 5,8 | Năm tám | |
| 11 | 09161138 | HUỲNH THỊ KIM | THANH | 08/12/91 | | | 6,5 | Sáu năm | |
| 12 | 09161153 | VÕ THỊ ANH | THI | 02/07/91 | | | 5,5 | Năm năm | |
| 13 | 09161156 | NGUYỄN VĂN | THÔNG | 20/01/90 | | | 4,1 | Bốn mươi | |
| ~~14~~ | ~~09161183~~ | ~~NGUYỄN THANH~~ | ~~TÚ~~ | ~~03/01/91~~ | | | | Vắng | |
| 15 | 09161184 | NGUYỄN MINH | TƯỜNG | 18/01/91 | | | 6,9 | Sáu chín | |
| 16 | 09161185 | TRẦN DUY | VẠN | 18/10/91 | | | 8,0 | Tám không | |
| 17 | 09161186 | PHẠM MINH TƯỜNG | VI | 27/05/91 | | | 4,0 | Bốn không | |
| 18 | 09161187 | NGUYỄN TUẤN | VIỀN | 20/02/91 | | | 4,8 | Bốn tám | |
| 19 | 09161188 | HUỲNH CÔNG | VINH | 03/10/91 | | | 6,5 | Sáu năm | |
| 20 | 09161190 | TRẦN MINH | VƯƠNG | 18/01/91 | | | 7,5 | Bảy năm | |

*Tổng số sinh viên dự thi:* 18 *Số bài thi:* 18 *Số tờ:* 18 Kỳ thi ngày 29 Tháng 12 Năm 2009

*Số sinh viên đạt:* _____ *;Không đạt:* _____

Cán Bộ Coi Thi 1 Trần Thiên Kim Minh Cán Bộ Coi Thi 2 Vũ Thị Ngọc

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Vinh Sơn

Nguyễn Văn Đông

*Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú*

Trường Đại học Nông Lâm
TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205

# Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

**Môn Học** Hóa học đại cương (202301) - Số Tín Chỉ: 3
**Nhóm Thi** Lớp DH09TA (Nhóm Thi 2 ) - Tổ 001 - Đợt 3
**Ngày Thi** 29/12/09 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD404



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | SốTờ | Chữ Ký | Điểm Số | Điểm Chữ | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09161006 | PHẠM THỊ HOÀNG | ANH | 14/04/91 | | | | | |
| 2 | 09161009 | NGUYỄN THỊ NGỌC | CHÂU | 20/02/91 | | | 5,9 | Năm chín | |
| 3 | 09161017 | TRẦN KIỀU | DIỄM | 13/10/90 | | | 5,3 | Năm ba | |
| 4 | 09161021 | TRẦN ANH | DUY | 26/03/90 | | | 5,1 | Năm mốt | |
| 5 | 09161022 | TRỊNH KHƯƠNG | DUY | 27/02/91 | | | 6,2 | Sáu hai | |
| 6 | 09161030 | HUỲNH THỊ | GẤM | / /91 | | | 5,5 | Năm năm | |
| 7 | 09161032 | HUỲNH NGỌC | GIANG | 01/01/91 | | | 5,6 | Năm sáu | |
| 8 | 09161033 | PHAN KHẮC | GIANG | 05/04/91 | | | 3,3 | Ba ba | |
| 9 | 09161036 | NGUYỄN TRUNG | HẢI | 13/08/91 | | | 4,4 | Bốn bốn | |
| 10 | 09161046 | LÊ TRUNG | HÒA | 04/06/91 | | | 5,7 | Năm bảy | |
| 11 | 09161047 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | HÒA | 30/08/91 | | | 4,8 | Bốn tám | |
| 12 | 09161053 | TRẦN CHÍ | HỮU | 20/01/91 | | | | | |
| 13 | 09161054 | PHẠM ĐĂNG | KHOA | 25/02/91 | | | 4,1 | Bốn mốt | |
| 14 | 09161057 | VŨ THANH | LAM | 20/04/91 | | | 5,9 | Năm chín | |
| 15 | 09161061 | LÊ THỊ MỸ | LIÊN | 18/01/91 | | | 5,4 | Năm bốn | |
| 16 | 09161065 | NGUYỄN NGỌC | LINH | 20/07/91 | | | 4,0 | Bốn không | |
| 17 | 09161067 | TRƯƠNG THỊ NHẬT | LINH | 06/12/91 | | | 5,5 | Năm năm | |
| 18 | 09161069 | TRẦN THỊ | LOAN | 24/02/91 | | | 7,6 | Bảy sáu | |
| 19 | 09161071 | NGUYỄN TIẾN | LONG | 22/01/91 | | | | | |
| 20 | 09161074 | NGUYỄN MINH | LUÂN | 13/08/91 | | | 4,5 | Bốn năm | |
| 21 | 09161078 | TRẦN LƯU THANH | MAI | 26/08/89 | | | 5,6 | Năm sáu | |
| 22 | 09161080 | NGUYỄN THỊ | MƠ | 15/07/89 | | | 5,0 | Năm không | |
| 23 | 09161088 | HUỲNH THỊ KIM | NGÂN | 07/04/91 | | | 6,9 | Sáu chín | |
| 24 | 09161091 | TỐNG HOÀNG | NGỌC | 10/10/90 | | | 5,0 | Năm không | |

*Tổng số sinh viên dự thi:* 21 *Số bài thi:* 21 *Số tờ:* 21 Kỳ thi ngày 29 Tháng 12 Năm 2009

*Số sinh viên đạt:* _____ *;Không đạt:* _____

Cán Bộ Coi Thi 1 Vũ Thị Tú Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

ThS. Nguyễn Vĩnh Lan

Nguyễn Văn Đồng

*Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú*

Trường Đại học Nông Lâm
TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205

# Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Môn Học: Sinh học đại cương (202401) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi: Lớp DH09TA (Nhóm Thi 2 ) - Tổ 001 - Đợt 3
Ngày Thi: 25/12/09 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD305



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | SốTờ | Chữ Ký | Điểm Số | Điểm Chữ | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| ~~1~~ | ~~09161006~~ | ~~PHẠM THỊ HOÀNG~~ | ~~ANH~~ | ~~14/04/91~~ | | | | | V |
| 2 | 09161009 | NGUYỄN THỊ NGỌC | CHÂU | 20/02/91 | | | 6.0 | sáu chẵn | |
| 3 | 09161017 | TRẦN KIỀU | DIỄM | 13/10/90 | | | 5.5 | năm rưỡi | |
| 4 | 09161021 | TRẦN ANH | DUY | 26/03/90 | | | 4.5 | bốn rưỡi | |
| 5 | 09161022 | TRỊNH KHƯƠNG | DUY | 27/02/91 | | | 4.0 | bốn chẵn | |
| 6 | 09161030 | HUỲNH THỊ | GẤM | / /91 | | | 6.7 | sáu bảy | |
| 7 | 09161032 | HUỲNH NGỌC | GIANG | 01/01/91 | | | 4.0 | bốn chẵn | |
| 8 | 09161033 | PHAN KHẮC | GIANG | 05/04/91 | | | 4.0 | bốn chẵn | |
| 9 | 09161036 | NGUYỄN TRUNG | HẢI | 13/08/91 | | | 3.5 | ba rưỡi | |
| 10 | 09161046 | LÊ TRUNG | HÒA | 04/06/91 | | | 6.0 | sáu chẵn | |
| 11 | 09161047 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | HÒA | 30/08/91 | | | 4.5 | bốn rưỡi | |
| ~~12~~ | ~~09161053~~ | ~~TRẦN CHÍ~~ | ~~HỮU~~ | ~~20/01/91~~ | | | | | V |
| 13 | 09161054 | PHẠM ĐĂNG | KHOA | 25/02/91 | | | 4.0 | bốn chẵn | |
| 14 | 09161057 | VŨ THANH | LAM | 20/04/91 | | | 4.5 | bốn rưỡi | |
| 15 | 09161061 | LÊ THỊ MỸ | LIÊN | 18/01/91 | | | 7.0 | bảy chẵn | |
| 16 | 09161065 | NGUYỄN NGỌC | LINH | 20/07/91 | | | 3.5 | ba rưỡi | |
| 17 | 09161067 | TRƯƠNG THỊ NHẬT | LINH | 06/12/91 | | | 6.5 | sáu rưỡi | |
| 18 | 09161069 | TRẦN THỊ | LOAN | 24/02/91 | | | 5.5 | năm rưỡi | |
| ~~19~~ | ~~09161071~~ | ~~NGUYỄN TIẾN~~ | ~~LONG~~ | ~~27/01/91~~ | | | | | V |
| 20 | 09161074 | NGUYỄN MINH | LUÂN | 13/08/91 | | | 6.0 | sáu chẵn | |
| 21 | 09161078 | TRẦN LƯU THANH | MAI | 26/08/89 | | | 4.0 | bốn chẵn | |
| 22 | 09161080 | NGUYỄN THỊ | MƠ | 15/07/89 | | | 4.5 | bốn rưỡi | |
| 23 | 09161088 | HUỲNH THỊ KIM | NGÂN | 07/04/91 | | | 7.0 | bảy chẵn | |
| 24 | 09161091 | TỐNG HOÀNG | NGỌC | 10/10/90 | | | 4.5 | bốn rưỡi | |

*Tổng số sinh viên dự thi:* 24 *Số bài thi:* 24 *Số tờ:* 24 Kỳ thi ngày 25 Tháng 12 Năm 2009

*Số sinh viên đạt:* _____ *;Không đạt:* _____

Cán Bộ Coi Thi 1 [signature] Cán Bộ Coi Thi 2 Trần Thị Lê Hằng

Xác nhận của Bộ Môn [signature] Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TH.S. LÊ NGỌC THÔNG

Thượng Tiến Đạt

*Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú*

Trường Đại học Nông Lâm
TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205

# Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 1 - Năm Học 09-10

Môn Học: Sinh học đại cương (202401) - Số Tín Chỉ: 2
Nhóm Thi: Lớp DH09TA (Nhóm Thi 2 ) - Tổ 002 - Đợt 3
Ngày Thi: 25/12/09 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Ng/Sinh | SốTờ | Chữ Ký | Điểm Số | Điểm Chữ | Ghi Chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 09161094 | LÊ THỊ THU | NGUYỆT | 03/10/91 | 1 | | 5.5 | năm mươi | |
| 2 | 09161115 | NGUYỄN THỊ THANH | PHƯỢNG | 20/04/91 | 1 | | 6.5 | sáu mươi | |
| 3 | 09161123 | PHAN VĂN | QUYNH | 07/08/91 | 1 | | 6.5 | sáu mươi | |
| 4 | 09161126 | VÕ HÀ | SANG | 11/11/91 | 1 | | 6.0 | sáu chẵn | |
| 5 | 09161127 | LÊ HOÀNG | SÂM | 20/03/91 | 1 | | 7.0 | bảy chẵn | |
| 6 | ~~09161128~~ | ~~TRẦN THỊ~~ | ~~SEN~~ | ~~10/07/91~~ | | | | | vắng |
| 7 | 09161132 | VÕ THANH | SƠN | 24/01/91 | 1 | | 5.0 | năm chẵn | |
| 8 | 09161136 | LẠI MẠNH | TÂN | 02/10/91 | 1 | | 6.0 | sáu chẵn | |
| 9 | 09161147 | NGUYỄN ĐÌNH | THẠCH | 02/02/91 | 1 | | 3.5 | ba mươi | |
| 10 | 09161148 | PHẠM NGỌC | THẠCH | 03/03/91 | 1 | | 6.5 | sáu mươi | |
| 11 | 09161138 | HUỲNH THỊ KIM | THANH | 08/12/91 | 1 | | 5.5 | năm mươi | |
| 12 | 09161153 | VÕ THỊ ANH | THI | 02/07/91 | 1 | | 5.5 | năm mươi | |
| 13 | 09161156 | NGUYỄN VĂN | THÔNG | 20/01/90 | 1 | | 5.0 | năm chẵn | |
| 14 | ~~09161185~~ | ~~NGUYỄN THANH~~ | ~~TÚ~~ | ~~03/01/91~~ | | | | | vắng |
| 15 | 09161184 | NGUYỄN MINH | TƯỜNG | 18/01/91 | 1 | | 6.0 | sáu chẵn | |
| 16 | 09161185 | TRẦN DUY | VẠN | 18/10/91 | 1 | | 6.0 | sáu chẵn | |
| 17 | 09161186 | PHẠM MINH TƯỜNG | VI | 27/05/91 | 1 | | 7.0 | bảy chẵn | |
| 18 | 09161187 | NGUYỄN TUẤN | VIÊN | 20/02/91 | 1 | | 4.5 | bốn mươi | |
| 19 | 09161188 | HUỲNH CÔNG | VINH | 03/10/91 | 1 | | 5.5 | năm mươi | |
| 20 | 09161190 | TRẦN MINH | VƯƠNG | 18/01/91 | 1 | | 6.5 | sáu mươi | |

*Tổng số sinh viên dự thi:* 18 *Số bài thi:* 18 *Số tờ:* 18 Kỳ thi ngày 25 Tháng 12 Năm 2009

*Số sinh viên đạt:* _____ *;Không đạt:* _____

Cán Bộ Coi Thi 1 PTBVân Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Th.S. LÊ NGỌC THÔNG

Huỳnh Tiến Dũng

*Cán bộ coi thi gạch tên sinh viên vắng thi và ghi "Vắng" vào cột ghi chú*